

Số: 220 /QĐ-TTKHCN

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021  
của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

**CỤC TRƯỞNG  
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 2895/QĐ-BKHCN ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh ngân sách nhà nước năm 2021 của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2926/QĐ-BKHCN ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh ngân sách nhà nước năm 2021 của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh văn phòng và các đơn vị liên quan trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.



Biểu số 02 - Ban hành kèm theo Thông tư 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Chương: 017



## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ- TTKHCN ngày 22/ 12 / 2021 của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                                           | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                        | 0                 |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                                                 |                   |
| 1     | Lệ phí                                                                             | 0                 |
| 2     | Phí                                                                                | 0                 |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                   | 0                 |
| 1     | Chi sự nghiệp.....                                                                 |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                                                             |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                              | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                                                             |                   |
| 2     | Phí                                                                                |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                     | 170               |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                                         |                   |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                             | 0                 |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                   | 0                 |
|       | Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương | 0                 |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                             | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                                                | 170               |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                     | 170               |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng                                      | 0                 |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                               | 0                 |